ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1219 /QĐ-SYT	*Đồng Nai, ngày 16 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám răng hàm mặt thuộc Công ty TNHH Nha khoa Tâm Y

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 524/QĐ-SYT ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Giám đốc Sở Y tế về việc thành lập Đoàn thẩm định cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với phòng khám đa khoa; cấp mới, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa;

Căn cứ Biên bản thẩm định cấp Giấy phép hoạt động đối với Phòng khám răng hàm mặt thuộc Công ty TNHH Nha khoa Tâm Y ngày 07 tháng 11 năm 2026 của Đoàn thẩm định Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 2793/ĐNAI-GPHĐ đối với:

Tên cơ sở: Phòng khám răng hàm mặt thuộc Công ty TNHH Nha khoa Tâm Y

Hình thức tổ chức là: Phòng khám răng hàm mặt

Địa chỉ: Số 9/3 đường Hùng Vương, khu phố Hiệp Phước, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai

Thời gian làm việc hằng ngày: 09 giờ 00 – 11 giờ 00, 14 giờ 00 – 20 giờ 00 từ Thứ Hai đến Thứ Sáu; 14 giờ 00 – 20 giờ 00 Thứ Bảy và Chủ Nhật.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn và danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh:

Sơ cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh răng hàm mặt thông thường và 50 kỹ thuật chuyên môn theo quy định tại Thông tư 23/2024/TT-BYT *(Danh mục kỹ thuật chuyên môn kèm theo)*.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để triển khai thực hiện đúng các quy định chuyên môn, quy trình kỹ thuật của Bộ Y tế và trong phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt. Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn, không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật thì phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác phù hợp để điều trị.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có tên tại Điều 1 và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục QLKCB - BYT (để báo cáo);
- BGĐ Sở Y tế (để báo cáo);
- UBND phường Nhơn Trạch;
- Website Sở Y tế;
- Lưu VT, NV.

(BS. Lâm/11.2026)

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Đỗ Thị Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN THỰC HIỆN TẠI
PHÒNG KHÁM RĂNG HÀM MẶT
THUỘC CÔNG TY TNHH NHA KHOA TÂM Y
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2026 của Giám đốc Sở Y tế thành phố Đồng Nai).

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
1	1.53	01. HỒI SỨC CẤP CỨU CHỐNG ĐỘC	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
2	1.65	01. HỒI SỨC CẤP CỨU CHỐNG ĐỘC	Bóp bóng ambu qua mặt nạ
3	16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp
4	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
5	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi
6	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
7	16.58	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
8	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại
9	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
10	16.78	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite trực tiếp
11	16.79	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma
12	16.81	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng nội tủy
13	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc
14	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
15	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
16	16.108	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim Titan cẩn sứ
17	16.109	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần
18	16.111	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Cercon
19	16.116	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim Titan cẩn sứ
20	16.118	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần
21	16.119	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon
22	16.121	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc Titan
23	16.126	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay sứ toàn phần
24	16.127	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite gián tiếp
25	16.128	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer sứ toàn phần
26	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
27	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
28	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
29	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
30	16.133	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung kim loại
31	16.134	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung Titan
32	16.136	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng
33	16.196	16. RĂNG HÀM MẶT	Mài chỉnh khớp cắn
34	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn
35	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
36	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng vĩnh viễn
37	16.206	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng thừa
38	16.221	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
39	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
40	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement
41	16.228	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
42	16.229	16. RĂNG HÀM MẶT	Dự phòng sâu răng bằng máng có gel Flour
43	16.230	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
44	16.231	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng sữa
45	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa
46	16.234	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
47	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa
48	16.240	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi trẻ em
49	16.241	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
50	16.340	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi loét hoại tử cấp

** Tổng số kỹ thuật chuyên môn được phê duyệt: 50 kỹ thuật.*